

Thứ ba, ngày 17 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Đà giảm tiếp diễn

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/12/2019		•	
Tuần 16/12-20/12/2019		•	
Tháng 12/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Mặc dù có tăng điểm nhẹ vào phiên sáng, VN-Index dành gần như toàn bộ thời gian còn lại rung lắc quanh mốc tham chiếu. Trước áp lực ngày càng gia tăng từ các mã bluechips trụ cột thị trường như VNM, VCB, VRE, VHM, BID, chỉ số kết thúc phiên ở mốc 954 điểm, chính thức để mất ngưỡng hỗ trợ 960 điểm. Thanh khoản tăng nhẹ cùng với 218 mã giảm điểm cho thấy bên bán đang chiếm ưu thế. Bên cạnh đó, khối ngoại cũng đã quay trở lại bán ròng. Trước những yếu tố như vậy, VN-Index nhiều khả năng sẽ tiếp tục vận động trong kênh giá 950-960 điểm trong tuần này.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.

Danh mục i-Invest: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt _ -0.6%. 3/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - gồm những cổ phiếu trả cổ tức tiền đều, doanh nghiệp có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày -0.6%, con số này của VNINDEX là -0.8%.

Phân tích kỹ thuật: SSI_Tiếp tục rơi (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **HPG, PNJ, KDH, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-7.44 điểm**, đóng cửa 954.03. **HNX-Index -0.32 điểm**, đóng cửa 102.90.
- Kéo chỉ số tăng: **PGD (+0.11); HNG (+0.08); GEG (+0.05); FIT (+0.04); EIB (+0.04).**
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-0.81); VCB (-0.76); VRE (-0.67); VHM (-0.58); BID (-0.53).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,345 tỷ đồng**, **+7.0%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.76 điểm. Thị trường có 112 mã tăng, 56 mã tham chiếu và 218 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **29.73 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm HPG (38.45 tỷ), VCB (9.06 tỷ) và KBC (8.59 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **1.96 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

954.03

Giá trị: 3345.22 tỷ

-7.44 (-0.77%)

Khối ngoại (ròng): -29.73 tỷ

HNX-INDEX

102.90

Giá trị: 255.81 tỷ

-0.32 (-0.31%)

Khối ngoại (ròng): -1.96 tỷ

UPCOM-INDEX

55.33

Giá trị: 157.72 tỷ

-0.2 (-0.36%)

Khối ngoại(ròng): 27.61 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	60.3	0.07%
Giá vàng	1,478	0.14%
Tỷ giá USD/VND	23,175	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,803	0.03%
Tỷ giá JPY/VND	21,145	-0.05%
LS liên NH 1 tháng	3.8%	-1.35%
LS TPCP 5 năm	2.1%	-0.60%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
ACV	26.6	HPG	-38.5
ROS	15.8	VCB	-9.1
E1VFN30	14.6	KBC	-8.6
BID	8.1	SSI	-6.6
BVH	7.0	DBC	-6.5

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* 3/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, danh mục **Cổ tức cao - Thanh khoản tốt** - gồm những cổ phiếu trả cổ tức tiền đều, doanh nghiệp có tính ổn định cao, phòng thủ tốt - hôm nay có mức hiệu suất ngày -0.6%, con số này của VNINDEX là -0.8%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **12/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**
- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất tuần **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Cổ tức cao - Thanh khoản tốt_-0.6%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.6%	-0.1%	2.0%	3.3%	-1.0%	14.1%	55.7%	14.7%
Xây dựng	-0.6%	-0.1%	-6.0%	-13.1%	-12.5%	-16.4%	22.5%	17.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.6%	0.7%	-4.3%	-3.3%	-10.5%	-16.6%	50.9%	21.2%
Dầu khí	-0.9%	-0.7%	-8.3%	-9.1%	-10.4%	-5.8%	18.0%	22.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.9%	-1.9%	-5.6%	-5.5%	-0.5%	0.4%	77.1%	13.8%
BDS & Khu công nghiệp	-0.9%	-1.0%	-4.8%	-5.8%	0.0%	-1.4%	57.1%	16.4%
Hàng tiêu dùng	-1.0%	-0.7%	-8.3%	-11.1%	-1.9%	-2.9%	51.5%	17.5%
FTSE Việt Nam	-1.0%	-2.2%	-4.1%	-4.1%	1.3%	2.8%	86.4%	14.9%
Ngân hàng	-1.0%	1.0%	-4.8%	-1.2%	10.8%	5.0%	87.9%	22.1%
Xây dựng & Vật liệu XD	-1.1%	-1.5%	-5.1%	-5.6%	-5.2%	-11.0%	-2.6%	17.3%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.1%	0.7%	-5.5%	-2.5%	2.5%	-4.1%	44.3%	19.9%
Nước & Năng lượng	-1.1%	-0.8%	-4.3%	-4.8%	-6.1%	4.2%	50.4%	14.3%
Lãi suất giảm	-1.1%	-0.8%	-3.3%	-6.0%	-5.6%	-5.2%	50.7%	17.9%
Vật liệu Xây dựng	-1.1%	-1.2%	-1.9%	-0.9%	3.1%	1.7%	10.0%	18.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-1.1%	0.0%	-4.1%	-2.7%	13.2%	20.0%	124.0%	19.1%
Chiến tranh thương mại	-1.2%	-1.0%	-3.5%	-5.4%	-8.0%	0.3%	13.9%	15.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.3%	-1.0%	-5.0%	-5.5%	6.2%	7.6%	84.9%	16.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.3%	0.4%	-5.1%	-6.5%	6.4%	5.1%	71.4%	17.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-1.4%	-0.5%	-5.9%	-6.1%	-0.3%	-1.6%	66.2%	14.4%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 17	-0.3%	-0.8%	-5.8%	-4.4%	0.8%	18.8%	157.0%	19.1%
Danh mục 11	-0.5%	0.0%	-5.1%	-6.9%	-0.8%	8.5%	84.6%	19.1%
Danh mục 18	-0.6%	0.1%	-1.4%	-2.6%	-1.4%	0.7%	123.6%	18.1%
Danh mục 9	-1.3%	-0.4%	-5.4%	-4.8%	2.7%	0.1%	56.1%	15.4%
Danh mục 14	-1.6%	-0.8%	-5.4%	-3.1%	3.9%	1.9%	49.9%	17.2%
* Note	12/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 24	-0.4%	-0.4%	-4.5%	-5.1%	4.7%	17.5%	97.2%	20.1%
Danh mục 25	-0.7%	-0.7%	-4.3%	-5.9%	7.2%	28.0%	143.2%	17.9%
Danh mục 22	-0.7%	-0.4%	-2.4%	-4.4%	8.8%	13.2%	67.8%	16.4%
Danh mục 23	-0.9%	-0.7%	-3.8%	-1.2%	-0.7%	23.6%	119.6%	18.8%
Danh mục 21	-1.4%	-0.8%	-4.5%	-4.5%	6.7%	8.3%	63.6%	15.7%
* Note	4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tuần tốt hơn VNINDEX							

INDEX								
VNINDEX	-0.8%	-0.7%	-4.9%	-4.3%	-0.5%	-0.8%	46.4%	15.6%
VN30INDEX	-1.1%	-0.7%	-5.8%	-5.6%	0.1%	-6.5%	40.8%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/17/2019

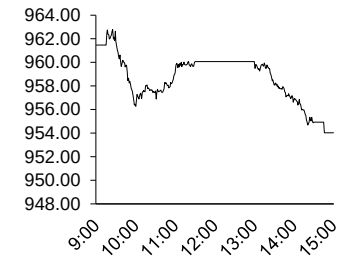
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

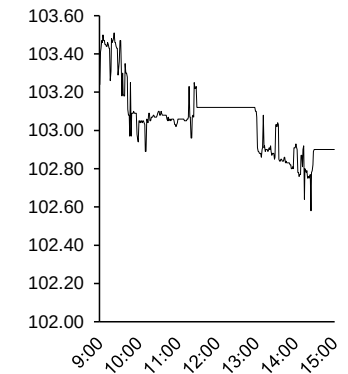
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Tài nguyên Cơ bản	-2.0%
Công nghệ Thông tin	-1.7%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-1.1%
Ngân hàng	-1.0%
Truyền thông	-1.0%
Dầu khí	-0.9%
Hóa chất	-0.9%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.7%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.7%
Thực phẩm và đồ uống	-0.6%
Dịch vụ tài chính	-0.6%
Du lịch và Giải trí	-0.6%
Bảo hiểm	-0.6%
Bất động sản	-0.5%
Xây dựng và Vật liệu	-0.2%
Bán lẻ	0.0%
Ô tô và phụ tùng	0.2%
Y tế	0.6%
Viễn thông	5.5%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

SSI_Tiếp tục rơi

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Giảm giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở dưới đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: ở trong vùng quá bán.
- Đường MA: EMA12 ở dưới EMA26.

Nhận định: SSI vẫn đang trong xu hướng giảm sau khi đã tạo mô hình hai đỉnh hướng xuống từ vùng giá 22. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì giá trị ổn định. Hầu hết các chỉ báo kỹ thuật hiện đều đang trong trạng thái tiêu cực. Chỉ báo động lượng RSI tuy đang ở trong vùng quá bán nhưng những lần chỉ báo rời khỏi vùng này trong thời gian gần đây đều không dẫn đến sự hồi phục mà lại tiếp tục quay trở về giá trị xung quanh 30. Ngưỡng hỗ trợ kế tiếp của cổ phiếu nằm tại khu vực 17-17.5. Theo đánh giá của chúng tôi, SSI có thể tiếp tục giảm giá trong ngắn hạn trước khi những diễn biến của thị trường chung đủ tốt để tạo động lực tăng trở lại cho cổ phiếu.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

HPG_Tăng giá

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 17/12/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 17/12	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	60.23	0.54%	2.25%	4.03%	20.74%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	65.28	0.59%	1.99%	2.92%	9.49%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	0.50%	0.57%	2.46%	17.85%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1476.92	-0.01%	1.08%	0.36%	18.55%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.04	0.50%	2.56%	0.01%	16.22%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	918.71	1.29%	2.22%	0.95%	1.54%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	547.93	3.97%	3.04%	7.61%	2.18%		AFX
Sữa	USD /cwt	19.39	-0.05%	-0.62%	-4.53%	40.51%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	175.40	-0.57%	-0.68%	8.14%	16.86%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	13.29	-1.56%	-0.67%	4.15%	6.41%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	2.88	0.00%	-7.99%	-14.29%	-3.03%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	135.80	4.91%	6.68%	28.66%	43.40%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.80	0.85%	2.41%	7.08%	1.83%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3697.00	-0.78%	2.44%	2.72%	-1.73%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1768.00	-0.39%	0.17%	1.55%	-8.96%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	93.00	0.54%	6.29%	17.72%	34.78%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	68.40	0.10%	-0.61%	-3.32%	-33.03%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent kỳ hạn tháng 2/2020 tăng 12 US cent (0.2%) lên 65.34 USD/thùng. Giá dầu WTI kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 14 US cent (0.2%) lên 60.21 USD/thùng.
- Giá dầu tăng nhẹ trong phiên đầu tuần do kỳ vọng nhu cầu năng lượng sẽ đi lên sau khi Mỹ và Trung Quốc đạt được thỏa thuận thương mại cuối tuần qua. Tuy nhiên, giá dầu vẫn thấp hơn chút ít so với mức cao nhất 3 tháng của phiên giao dịch liền trước. Tiến triển trong đàm phán thương mại Mỹ - Trung có thể sẽ thúc đẩy nhu cầu dầu đi lên, nhưng thị trường vẫn hoài nghi về thỏa thuận này khiến cho đà tăng bị kìm hãm.
- Giá dầu hướng lên trong phiên vừa qua một phần cũng bởi số liệu từ Trung Quốc cho thấy sản lượng công nghiệp và bán lẻ tháng 11/2019 đều tăng nhiều hơn dự kiến. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của nước này trong năm tới dự báo sẽ vẫn tiếp tục chậm lại, mục tiêu của Chính phủ chỉ là 6% trong năm 2020, so với 6%-6.5% trong năm nay.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA duy trì ở 1,476.19 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 02/2020 trên sàn New York giữ vững ở 1,480.5 USD/ounce. Giá vàng đi ngang trong phiên giao dịch vừa qua do đồng USD giảm và các nhà đầu tư chưa thể yên tâm khi chưa được thấy "bút tích" thỏa thuận thương mại "Giai đoạn 1" giữa Mỹ và Trung Quốc.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên kỳ hạn tháng 5/2020 đóng cửa giảm 0.8% xuống 646 CNY/tấn. Giá sắt thép trên thị trường Trung Quốc phiên vừa qua đều giảm. Đối với mặt hàng quặng sắt, tỷ lệ sử dụng công suất sản xuất của các nhà máy giảm xuống và những số liệu kinh tế vừa công bố gây lo ngại về triển vọng nhu cầu đối với mặt hàng này đã khiến giá đi xuống.
- Thép cuộn cán nóng kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 1.2% xuống 3,708 CNY/tấn. Tỷ lệ sử dụng công suất sản xuất của 163 nhà máy trên toàn Trung Quốc đã giảm xuống 65.88% trong tuần vừa qua, cho thấy tiêu thụ nguyên liệu thép đang chậm lại. Số liệu của Cơ quan thống kê Trung Quốc cho thấy sản lượng thép thô của nước này trong tháng 11/2019 giảm xuống 80.29 triệu tấn, so với 81.55 triệu tấn của tháng liền trước. Đầu tư gài sản cố định của Trung Quốc cũng không có dấu hiệu cải thiện khi chỉ tăng 5.2% trong giai đoạn tháng 1-11/2019, mức tăng thấp nhất trong vòng nhiều thập kỷ.

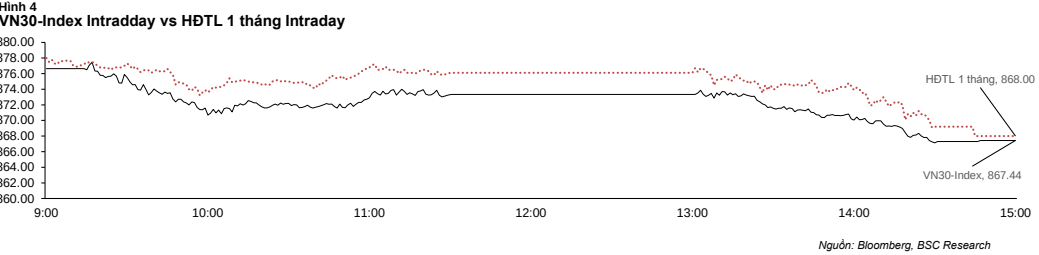
Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 1.2 JPY (0,011 USD) xuống 199.8 JPY/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su tháng 5/2020 giảm 175 CNY (24.86 USD) xuống 13,090 CNY/tấn.

Giá nông sản

- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 trên sàn ICE giảm 1.6% (21 US cent) xuống 13.29 US cent/lb. Giá đường trắng giao cùng kỳ hạn trên sàn London giảm 1% (3.6 USD) xuống 351.7 USD/tấn. Giá đường giảm do các quỹ hàng hóa giảm tốc độ mua vào sau khi giá đạt mức cao nhất hơn 1 năm vào tuần trước. Dự báo thế giới sẽ thiếu hụt đường trong niên vụ 2019/20 và thị trường dầu mỏ khởi sắc sau khi Mỹ và Trung Quốc thông báo đạt được thỏa thuận thương mại bước đầu đã giúp giá đường tăng mạnh trong phiên cuối tuần trước (13/12/2019).
- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 6.1% (8.05 US cent) lên 1.3895 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 3/2020 tăng 33 USD (2.3%) lên 1,450 USD/tấn. Arabica đã tăng giá hơn 40% kể từ giữa tháng 10/2019 do dự báo nguồn cung niên vụ 2019/20 sẽ thiếu hụt. Lượng arabica lưu kho tại sân New York đã giảm từ 2.5 triệu tấn hồi tháng 3/2019 xuống khoảng 2 triệu tấn hiện nay, càng thúc đẩy nhiều quỹ đầu tư mua vào.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	868.00	-1.07%	0.56	13.5%	73442	12/19/2019	4
VN30F2001	869.90	-0.93%	2.46	71.2%	2001	1/16/2020	32
VN30F2003	880.00	-1.13%	12.56	25.8%	78	3/19/2020	95
VN30F2006	884.00	-0.90%	16.56	128.2%	89	6/18/2020	186

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm mạnh -9.21 điểm xuống mức 867.44 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như HPG, TCB, VNM, FPT, và VPB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm tiêu cực ngay từ đầu phiên sáng xuống gần mốc 870 điểm, trước khi phục hồi, tích lũy quanh 874 điểm về cuối phiên. Sang phiên chiều, VN30 tiếp tục giảm mạnh, xuống dưới gần 867 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể lùi về 860 điểm, nếu mất hỗ trợ tại 865 trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F1912 và VN30F2003 đang giảm, trong khi VN30F2001 và VN30F2006 đang tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn và phục hồi trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMBB1903	SSI	4/22/2020	127	1:1	38,400	65.3%	3.0 triệu	17.54%	4,000	2,580	8.40%	617.10	4.18
CMWG1903	HSC	12/30/2019	13	5:1	19,780	-68.9%	2.0 triệu	21.63%	2,700	3,800	5.56%	3,682.20	1.03
CMWG1904	SSI	12/30/2019	13	1:1	42,150	384.5%	1.0 triệu	21.63%	14,000	23,430	3.22%	23,452.10	1.00
CHPG1907	SSI	4/22/2020	127	1:1	186,730	0.0%	1.0 triệu	0.00%	4,200	4,650	-0.21%	2,887.80	1.61
CVIC1902	SSI	4/22/2020	127	1:1	12,550	-16.3%	1.0 triệu	16.12%	22,700	15,400	-1.28%	5,814.10	2.65
CREE1903	SSI	4/22/2020	127	1:1	14,100	-4.8%	1.0 triệu	22.39%	7,600	5,280	-2.22%	2,189.60	2.41
CVNM1903	SSI	4/22/2020	127	1:1	11,850	0.0%	1.0 triệu	16.33%	26,600	14,820	-3.95%	4,580.10	3.24
CVJC1902	SSI	4/22/2020	127	1:1	10,100	-6.5%	1.0 triệu	14.17%	27,900	25,850	-5.03%	15,239.60	1.70
CVRE1902	HSC	4/8/2020	113	4:1	65,530	-72.9%	5.0 triệu	21.46%	1,300	1,210	-6.92%	505.40	2.39
CVHM1902	SSI	4/22/2020	127	1:1	11,730	-77.3%	1.0 triệu	22.05%	18,600	11,370	-9.04%	5,395.60	2.11
CFPT1903	SSI	12/30/2019	13	1:1	150,160	1506.0%	2.0 triệu	21.14%	6,000	10,800	-9.47%	10,341.30	1.04
CSTB1901	KIS	1/9/2020	23	1:1	206,250	290.7%	1.5 triệu	19.07%	1,390	350	-10.26%	11.30	30.97
CFPT1905	SSI	4/22/2020	127	1:1	104,530	0.0%	1.0 triệu	21.89%	9,900	6,320	-10.61%	3,421.90	1.85
CFPT1906	HSC	4/8/2020	113	5:1	105,480	40.7%	5.0 triệu	21.14%	1,700	1,200	-11.11%	450.00	2.67
CMBB1905	HSC	4/8/2020	113	2:1	212,960	91.0%	5.0 triệu	17.54%	1,700	870	-11.22%	138.00	6.30
CMBB1906	VND	1/9/2020	23	2:1	80,120	49.4%	3.0 triệu	17.54%	2,100	990	-13.91%	578.70	1.71
CFPT1907	VND	1/9/2020	23	2:1	81,270	124.7%	2.0 triệu	21.14%	4,200	2,030	-13.98%	1,425.70	1.42
CMBB1904	SSI	1/22/2020	36	1:1	70,200	-32.3%	2.0 triệu	17.54%	2,900	1,200	-15.49%	164.30	7.30
CHPG1908	MBS	1/22/2020	36	2:1	172,970	306.9%	2.0 triệu	24.68%	1,450	1,610	-15.71%	1,391.20	1.16
CHPG1905	SSI	12/30/2019	13	1:1	322,410	3.4%	1.0 triệu	24.68%	3,300	670	-40.18%	475.30	1.41
Tổng:					1,919,270		34.50 triệu				18.98%**		
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất			CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%			Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
					**Trung bình độ lệch chuẩn			*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 17/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CHPG1905 và CHPG1908 giảm mạnh nhất lần lượt tại -40.18 và -15.71. Thanh khoản thị trường tăng 10.70%. CHPG1905 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 13.66% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CFPT1903 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
EIB	17.00	0.59	0.14
MWG	113.30	0.09	0.04
NVL	56.00	0.00	0.00
ROS	24.00	0.00	0.00
SAB	233.00	0.00	0.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	23.2	-2.53	-1.37
TCB	22.8	-1.73	-1.26
VNM	117.1	-1.35	-1.11
FPT	55.4	-1.95	-0.82
VPB	19.3	-1.53	-0.70

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1903	26,000	22,000	21,050
CMWG1903	25,800	95,000	113,300
CMWG1904	165,000	90,000	113,300
CHPG1907	25,200	21,000	23,150
CVIC1902	137,700	115,000	115,800
CREE1903	43,600	36,000	36,000
CVNM1903	146,600	120,000	117,100
CVJC1902	157,900	130,000	142,600
CVRE1902	37,700	32,500	32,900
CVHM1902	103,600	85,000	85,500
CFPT1903	51,140	45,140	55,400
CSTB1901	12,278	10,888	10,050
CFPT1905	64,900	55,000	55,400
CFPT1906	65,500	57,000	55,400
CMBB1905	26,400	23,000	21,050
CMBB1906	24,200	20,000	21,050
CFPT1907	61,400	53,000	55,400
CMBB1904	24,900	22,000	21,050
CHPG1908	23,400	20,500	23,150
CHPG1905	93,300	23,100	23,150

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	113.3	0.1%	0.7	2,181	2.2	8,321	13.6	4.4	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	82.2	-1.7%	1.0	795	1.1	4,839	17.0	4.4	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	72.2	-0.7%	1.3	2,200	1.2	1,889	38.2	3.2	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.2	0.3%	0.7	314	0.0	2,801	11.1	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.8	0.0%	1.0	16,960	1.4	1,589	72.9	5.0	15.0%	7.8%
VRE	Bất động sản	32.9	-2.9%	1.1	3,331	1.8	1,228	26.8	2.7	32.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.0	0.0%	0.8	2,311	0.7	3,187	17.6	2.5	7.2%	15.5%
REE	Bất động sản	36.0	-1.6%	1.0	485	0.8	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	14.1	-2.1%	1.5	321	0.6	3,215	4.4	0.8	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	18.7	-2.1%	1.4	412	1.3	1,769	10.5	1.0	55.5%	9.4%
VCI	Chứng khoán	30.9	-1.8%	1.0	220	0.1	5,067	6.1	1.4	37.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	22.8	-1.5%	1.5	303	0.5	1,287	17.7	1.6	57.1%	10.2%
FPT	Công nghệ	55.4	-1.9%	0.8	1,634	5.3	4,688	11.8	2.8	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	43.3	0.0%	0.4	468	0.0	4,156	10.4	2.6	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	97.5	-0.7%	1.6	8,113	0.8	5,886	16.6	4.1	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	55.6	-1.1%	1.5	2,879	0.2	3,467	16.0	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	17.6	0.0%	1.7	366	0.8	2,062	8.5	0.7	21.8%	8.5%
BSR	Dầu khí	8.5	-2.3%	0.8	1,146	1.0	1,163	7.3	0.8	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.6	0.6%	0.5	538	0.0	4,535	20.9	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	13.5	-0.4%	0.8	229	0.2	650	20.7	0.7	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.7	-0.9%	0.6	154	0.0	625	10.7	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	85.3	-0.8%	1.3	13,755	1.0	5,274	16.2	3.9	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	41.5	-1.1%	1.6	7,248	1.0	2,109	19.7	2.5	18.0%	13.5%
CTG	Ngân hàng	20.3	-0.2%	1.6	3,278	1.5	1,641	12.3	1.0	29.4%	8.5%
VPB	Ngân hàng	19.3	-1.5%	1.2	2,020	0.6	3,341	5.8	1.2	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.1	-1.6%	1.1	2,129	5.6	3,261	6.5	1.2	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.8	-0.9%	1.1	1,642	0.9	3,585	6.4	1.5	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	47.4	-0.8%	0.8	169	0.0	5,073	9.3	1.5	80.4%	16.5%
NTP	Nhựa	32.2	-0.3%	0.2	137	0.0	4,603	7.0	1.2	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	13.7	-2.1%	1.3	589	0.0	732	18.7	1.0	2.2%	5.6%
HPG	Thép	23.2	-2.5%	1.0	2,779	10.0	2,526	9.2	1.4	38.1%	17.4%
HSG	Thép	8.1	-3.9%	1.6	149	3.9	890	9.1	0.6	17.6%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	117.1	-1.3%	0.7	8,866	4.2	5,527	21.2	7.5	58.5%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	233.0	0.0%	0.8	6,496	0.2	7,365	31.6	8.4	63.3%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	56.1	-1.1%	1.2	2,851	2.8	4,512	12.4	1.9	39.1%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.6	0.0%	0.6	473	1.0	440	42.2	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	75.0	0.0%	0.8	7,099	0.1	2,630	28.5	5.3	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	142.6	-0.3%	1.1	3,248	1.9	9,850	14.5	5.5	19.7%	43.3%
HAV	Vận tải	33.8	-1.2%	1.7	2,084	0.4	1,747	19.3	2.6	10.1%	13.4%
GMD	Vận tải	23.5	-1.7%	0.8	303	0.1	1,949	12.1	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.7	-0.3%	0.6	204	0.1	2,571	6.5	1.1	31.7%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	83.5	-0.4%	1.0	581	0.5	8,338	10.0	4.2	2.2%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.0	-1.6%	0.7	351	0.1	1,398	12.9	1.3	13.4%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	0.3%	0.8	254	0.1	1,912	8.0	1.0	6.5%	13.8%
CTD	Xây dựng	61.9	-1.6%	0.8	205	0.1	9,842	6.3	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.9	0.0%	1.0	517	0.2	1,557	17.3	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.8	0.0%	0.4	245	0.2	1,845	12.3	1.0	51.0%	8.8%
POW	Điện	12.4	-2.4%	0.6	1,257	0.4	820	15.1	1.2	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.5	0.2%	0.6	281	0.2	2,721	8.3	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PGD	61.00	6.64	0.10	1030.00
HNG	14.50	1.75	0.08	615160.00
GEG	27.15	3.04	0.05	616690.00
FIT	8.63	6.94	0.04	3.36MLN
EIB	17.00	0.59	0.04	86570.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NET	44.50	9.88	0.05	4800.00
VC3	17.60	4.76	0.05	342600.00
HUT	2.60	8.33	0.04	7.17MLN
V21	27.50	7.84	0.02	100.00
PVX	1.30	8.33	0.02	676200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	117.10	-1.35	-0.81	829630.00
VCB	85.30	-0.81	-0.76	266250.00
VRE	32.90	-2.95	-0.68	1.27MLN
VHM	85.50	-0.70	-0.59	859640.00
BID	41.45	-1.07	-0.53	580480.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.80	-0.87	-0.33	939600.00
SHB	6.30	-1.56	-0.11	3.63MLN
TIG	6.10	-6.15	-0.03	977300.00
AMV	24.20	-3.59	-0.03	334000.00
TNG	14.80	-1.99	-0.01	286400.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FIT	8.63	6.94	0.04	3.36MLN
DLG	1.71	6.88	0.01	19.53MLN
SJF	2.34	6.85	0.00	1.32MLN
NAV	14.85	6.83	0.00	1010.00
VNS	11.90	6.73	0.02	221840.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	253000.00
DST	1.10	10.0	0.00	704500.00
EBS	7.70	10.0	0.00	1000.00
GLT	29.70	10.0	0.01	100.00
NET	44.50	9.9	0.05	4800.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DPR	39.50	-12.03	-0.07	26510.00
LAF	9.30	-7.00	0.00	10.00
DHM	3.21	-6.96	0.00	17310.00
KPF	27.45	-6.95	-0.01	10.00
TCD	10.75	-6.93	-0.01	31160.00

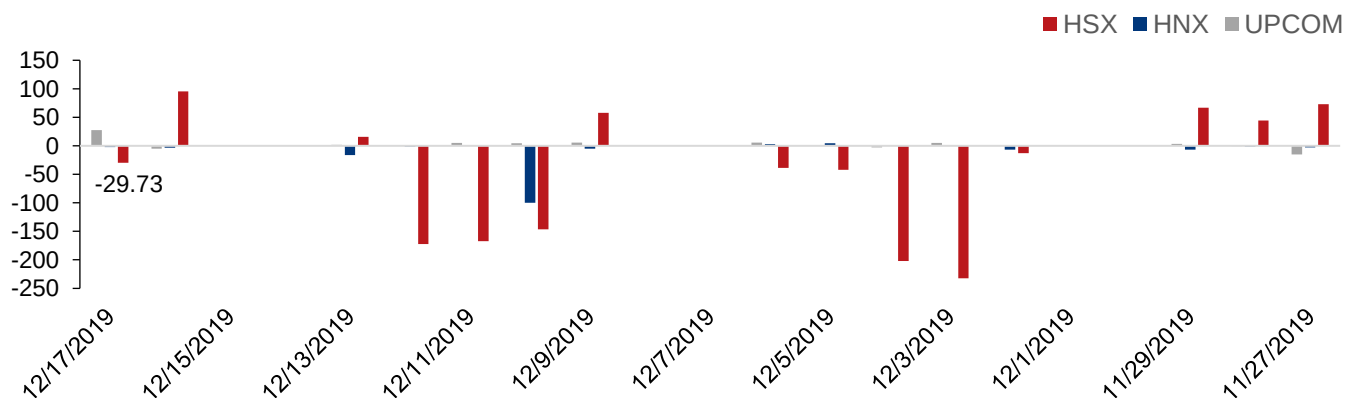
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.40	-20.00	0.00	75300.00
HKB	0.50	-16.67	-0.01	2700.00
PSC	13.50	-10.00	0.00	100.00
BPC	12.50	-9.42	0.00	100.00
SPI	1.00	-9.09	0.00	61600.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2018	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
6	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hỏi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
13	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
14	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
19	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	10/12/2019	22.8	27.8	22.8	3,585	6.4	1.5	Click
2	AAA	Sản xuất	Theo dõi	4/12/2019	13.9	15.9	13.9	2,692	5.2	0.8	Click
3	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	4/12/2019	23.4	26.0	22.8	2,660	8.6	1.4	Click
4	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	113.2	6,216	18.2	6.9	Click
5	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	85.3	5,274	16.2	3.9	Click
6	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	32.7	9,530	3.4	1.7	Click
7	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	55.4	4,688	11.8	2.8	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.0	3,491	6.6	1.1	Click
9	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	17.4	2,246	7.7	0.8	Click
10	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.0	3,678	10.3	0.7	Click
11	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	56.1	4,512	12.4	1.9	Click
12	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	117.1	5,527	21.2	7.5	Click
13	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.0	2,887	7.3	1.5	Click
14	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	36.0	5,614	6.4	1.1	Click
15	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	77.8	14,958	5.2	1.5	Click
16	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.3	2,279	3.7	0.5	Click
17	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	22.8	3,585	6.4	1.5	Click
18	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.4	1,079	12.4	1.1	Click
19	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	85.3	5,274	16.2	3.9	Click
20	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.6	1,723	13.1	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express TNG 2019Q4	5/11/2019	Giá tại Publish 15000 Năm 2020, doanh thu dự kiến là 4,950 tỷ, trong đó (1) xuất khẩu là 4,850 tỷ (2) thời trang nội địa là 100 tỷ. Khách hàng: Decathlon chiếm 40% tổng DT, là người cung cấp nguyên liệu (Anh Đức: Decathlon giao đến cảng Hải Phòng rồi TNG ra nhận, Anh Hoàng – chủ kho Sông Công 2: Decathlon giao đến tận kho). Vấn đề tồn kho: Tồn kho tăng cao là đặc thù của ngành chung. Các doanh nghiệp may phục vụ theo đơn hàng => tồn kho chắc chắn sẽ xuất được xưởng (Cmt: trong TH khách hàng vẫn hoạt động bình thường. Vẫn còn rủi ro đặt hàng xong ko lấy, lấy hàng xong ko trả tiền - > nợ xấu) Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 60500 BSC dự báo doanh thu thuần của MSH năm 2019 đạt 4,472 tỷ đồng (+13.2% YoY) với giả định doanh thu hàng may mặc xuất khẩu đạt 174.7 triệu USD (+13.6% YoY) với động lực đến từ các khách hàng Haddad (+38%), G-III (+32%), Columbia (+10%) trong khi mảng chân ga gối tương đương cùng kỳ. Biên LNG tương đương 2018 ở mức 20.1%, biên EBIT cải thiện từ 11.1% lên 11.7% nhờ tiết giảm CPBH và QLDN. LNST ước đạt 420 tỷ (+13.5% YoY), EPS = 8,170 đồng/CP (giả định trích quỹ KTPL 5% LNST). Kế hoạch 2019-2023: (i) Hoàn thành thủ tục và di dời các xưởng may trong nội thành (1-6) ra cụm CN xã Mỹ Tân, Mỹ Lộc, Nam Định (21ha), vốn đầu tư 500 -550 tỷ, phát triển thành khu sản xuất tập trung của MSH, sau đó thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất tại các NM di dời (khoảng 8ha). Việc di dời sẽ thực hiện theo hình thức cuốn chiếu nên sẽ không ảnh hưởng đến sản xuất. (ii) Đạt doanh thu 5,000 tỷ năm 2021 (CAGR =7.8%), cổ tức 35-45%/năm.
Express MSH 2019Q	3/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNNT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express TDT 2019Q4	5/12/2019	Giá tại Publish 11400 Năm 2020, dự kiến DT đạt 560 – 600 tỷ (+50% YoY). Dù ngành đang (1) đơn hàng ít (2) chi phí cao nhưng TDT vẫn đạt KH cao dựa trên (1) lượng NM mới thấp (2) Khách hàng đang tốt (3) Chi phí đầu tư nhà máy thấp (4) Hưởng ưu đãi về thuế. Hiện tại đang vận hành 10 dây chuyền, với 500 công nhân, chủ yếu là CMT (Thời gian xây lắp là 6 tháng). Hiện đang hoàn thiện thêm kho, khu giặt và khu xưởng 2, nhà ở cho khách. Năm 2020, vận hành tổng cộng 18 dây chuyền (+8 chuyền) với 50 công nhân/chuyên (chuyên lớn). Tổng cộng lao động của TDT là 2,500 công nhân. Capacity tăng 50% YoY do (1) các dây chuyền mới chạy full year (2) Nhân viên quen tay nên NS tăng Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNNT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quỹ khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 gộp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNNT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 73500; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm sẽ đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNNT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNNT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa có nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn